



iFLEX™ - CABLE TRAY

PRODUCT CATALOGUE







amtec®

Product Catalogue

Nhà máy AMTEC được thành lập từ năm 2007, đến nay AMTEC là một trong những thương hiệu dẫn đầu trong thị trường thiết bị cho công nghệ thông tin và viễn thông.

Hiện tại chúng tôi đang cung cấp tất cả các dòng sản phẩm cho Tủ mạng, Hệ thống giá đỡ thiết bị, Hộp kết nối, Thang, Máng cáp, Thanh cấp nguồn đa dạng, Hệ thống nhốt khí nóng/lạnh cho Datacenter, Khung vây tủ rack và Các linh kiện khác.

Sản phẩm AMTEC là hoàn hảo để sử dụng trong tất cả các công trình từ Trung tâm dữ liệu của các hệ thống lớn, phức tạp cho đến các hệ thống trong văn phòng vừa và nhỏ

Sản phẩm của AMTEC đã hiện diện và dễ dàng tìm thấy trên khắp đất nước Việt Nam và trên 9 nước trong khu vực Đông Nam Á.

iFLEX™ - HỆ THỐNG MĂNG CÁP

Thông tin chung.....

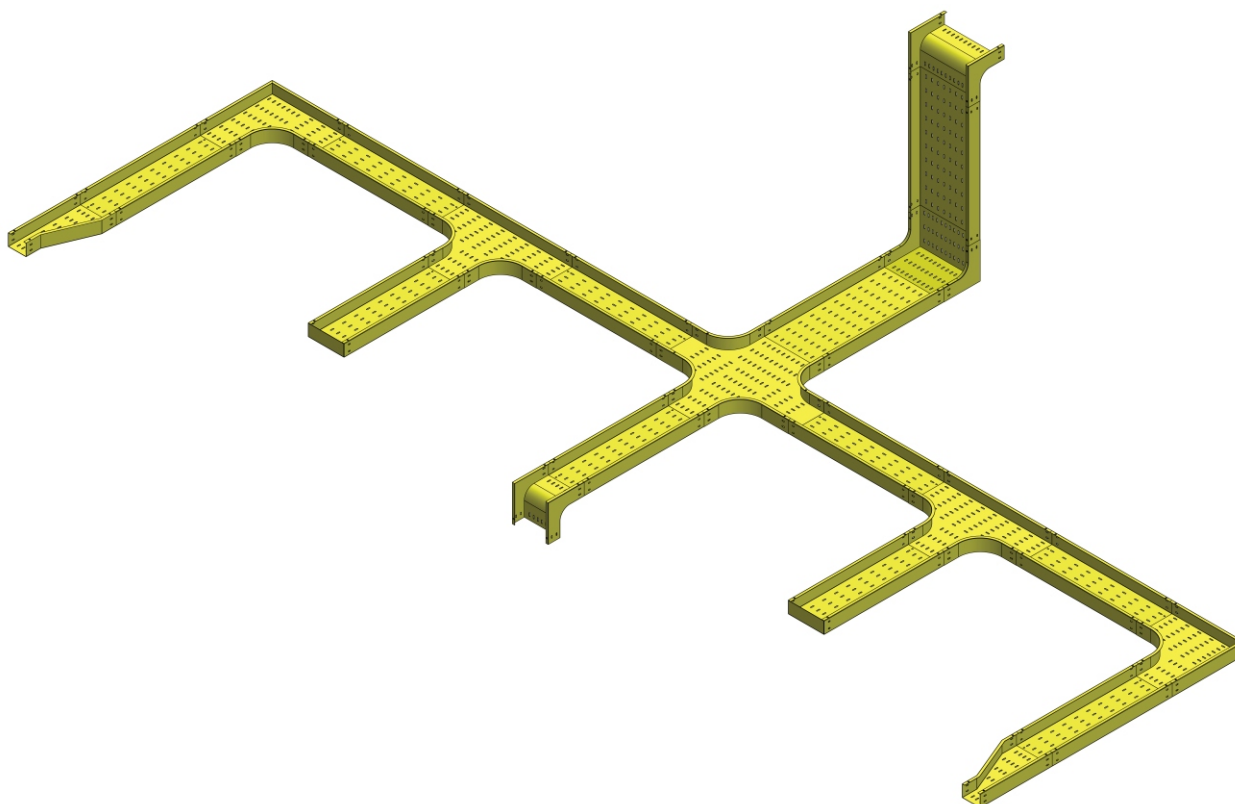
Độ dày thép : 1~2 mm.

Tải trọng : 100 kg.

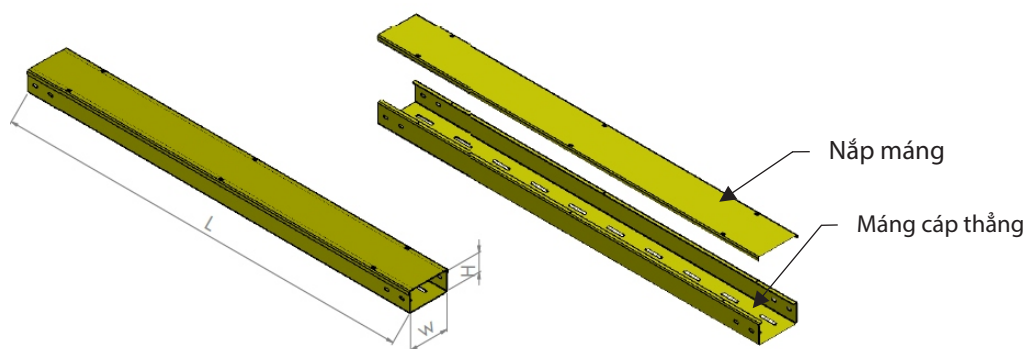
Màu sắc: Xám trắng, Vàng, đỏ, xanh, màu kẽm hoặc tùy chọn

Công nghệ sơn: Sơn tĩnh điện, Mạ kẽm hoặc Mạ kẽm nhúng nóng.

Các tùy chọn: Có nắp che và không có nắp che.



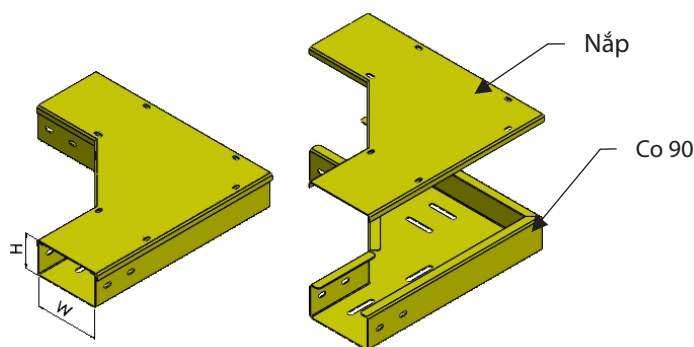
Máng cáp thẳng.....



Thông tin sản phẩm.....

STT	Mã Sản Phẩm <i>X=1: Sơn tĩnh điện X=2: Thép mạ kẽm X=3: Mạ kẽm nhúng nóng</i>	Mô tả sản phẩm	Thông số kích thước (mm)			
			W	L	H	t
1	AM-CT-SU-50x50x1.0-X	Máng cáp thẳng rộng 50mm, cao 50mm, dày 1.0mm	50	2500	50	1.0
2	AM-CT-SU-50x50x1.2-X	Máng cáp thẳng rộng 50mm, cao 50mm, dày 1.2mm	50	2500	50	1.2
3	AM-CT-SU-50x50x1.5-X	Máng cáp thẳng rộng 50mm, cao 50mm, dày 1.5mm	50	2500	50	1.5
4	AM-CT-SU-100x50x1.0-X	Máng cáp thẳng rộng 100mm, cao 50mm, dày 1.0mm	100	2500	50	1.0
5	AM-CT-SU-100x50x1.2-X	Máng cáp thẳng rộng 100mm, cao 50mm, dày 1.2mm	100	2500	50	1.2
6	AM-CT-SU-100x50x1.5-X	Máng cáp thẳng rộng 100mm, cao 50mm, dày 1.5mm	100	2500	50	1.5
7	AM-CT-SU-100x100x1.0-X	Máng cáp thẳng rộng 100mm, cao 100mm, dày 1.0mm	100	2500	100	1.0
8	AM-CT-SU-100x100x1.2-X	Máng cáp thẳng rộng 100mm, cao 100mm, dày 1.2mm	100	2500	100	1.2
9	AM-CT-SU-100x100x1.5-X	Máng cáp thẳng rộng 100mm, cao 100mm, dày 1.5mm	100	2500	100	1.5
10	AM-CT-SU-200x100x1.2-X	Máng cáp thẳng rộng 200mm, cao 100mm, dày 1.2mm	200	2500	100	1.2
11	AM-CT-SU-200x100x1.5-X	Máng cáp thẳng rộng 200mm, cao 100mm, dày 1.5mm	200	2500	100	1.5
12	AM-CT-SU-200x100x2.0-X	Máng cáp thẳng rộng 200mm, cao 100mm, dày 2.0mm	200	2500	100	2.0
13	AM-CT-SU-300x100x1.2-X	Máng cáp thẳng rộng 300mm, cao 100mm, dày 1.2mm	300	2500	100	1.2
14	AM-CT-SU-300x100x1.5-X	Máng cáp thẳng rộng 300mm, cao 100mm, dày 1.5mm	300	2500	100	1.5
15	AM-CT-SU-300x100x2.0-X	Máng cáp thẳng rộng 300mm, cao 100mm, dày 2.0mm	300	2500	100	2.0
16	AM-CT-SU-400x100x1.5-X	Máng cáp thẳng rộng 400mm, cao 100mm, dày 1.5mm	400	2500	100	1.5
17	AM-CT-SU-400x100x2.0-X	Máng cáp thẳng rộng 400mm, cao 100mm, dày 2.0mm	400	2500	100	2.0
18	AM-CT-SU-500x100x1.5-X	Máng cáp thẳng rộng 500mm, cao 100mm, dày 1.5mm	500	2500	100	1.5
19	AM-CT-SU-500x100x2.0-X	Máng cáp thẳng rộng 500mm, cao 100mm, dày 2.0mm	500	2500	100	2.0
20	AM-CT-SU-600x100x1.5-X	Máng cáp thẳng rộng 600mm, cao 100mm, dày 1.5mm	600	2500	100	1.5
21	AM-CT-SU-600x100x2.0-X	Máng cáp thẳng rộng 600mm, cao 100mm, dày 2.0mm	600	2500	100	2.0
22	AM-CT-SU-700x100x1.5-X	Máng cáp thẳng rộng 700mm, cao 100mm, dày 1.5mm	700	2500	100	1.5
23	AM-CT-SU-700x100x2.0-X	Máng cáp thẳng rộng 700mm, cao 100mm, dày 2.0mm	700	2500	100	2.0
24	AM-CT-SU-800x100x1.5-X	Máng cáp thẳng rộng 800mm, cao 100mm, dày 1.5mm	800	2500	100	1.5
25	AM-CT-SU-800x100x2.0-X	Máng cáp thẳng rộng 800mm, cao 100mm, dày 2.0mm	800	2500	100	2.0
26	AM-CT-SU-900x100x1.5-X	Máng cáp thẳng rộng 900mm, cao 100mm, dày 1.5mm	900	2500	100	1.5
27	AM-CT-SU-900x100x2.0-X	Máng cáp thẳng rộng 900mm, cao 100mm, dày 2.0mm	900	2500	100	2.0
28	AM-CT-SU-1000x100x2.0-X	Máng cáp thẳng rộng 1000mm, cao 100mm, dày 2.0mm	1000	2500	100	2.0

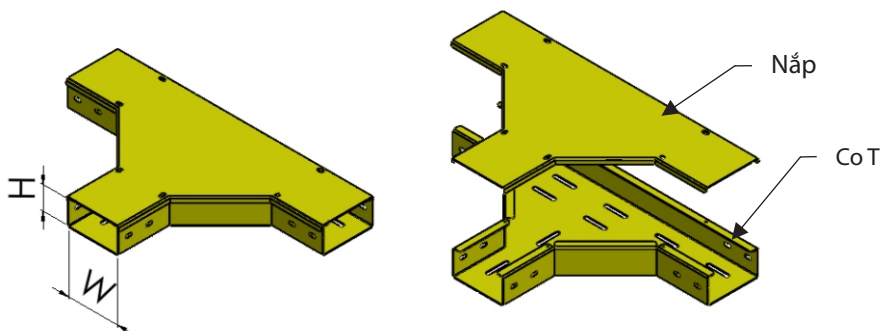
Co 90°



Thông tin sản phẩm

STT	Mã Sản Phẩm <i>X=1: Sơn tĩnh điện X=2: Thép mạ kẽm X=3: Mạ kẽm nhúng nóng</i>	Mô tả sản phẩm	Thông số kích thước (mm)		
			W	H	t
1	AM-CT-90BE-50x50x1.0-X	Co máng cáp 90 độ, rộng 50mm, cao 50mm, dày 1.0mm	50	50	1.0
2	AM-CT-90BE-50x50x1.2-X	Co máng cáp 90 độ, rộng 50mm, cao 50mm, dày 1.2mm	50	50	1.2
3	AM-CT-90BE-50x50x1.5-X	Co máng cáp 90 độ, rộng 50mm, cao 50mm, dày 1.5mm	50	50	1.5
4	AM-CT-90BE-100x50x1.0-X	Co máng cáp 90 độ, rộng 100mm, cao 50mm, dày 1.0mm	100	50	1.0
5	AM-CT-90BE-100x50x1.2-X	Co máng cáp 90 độ, rộng 100mm, cao 50mm, dày 1.2mm	100	50	1.2
6	AM-CT-90BE-100x50x1.5-X	Co máng cáp 90 độ, rộng 100mm, cao 50mm, dày 1.5mm	100	50	1.5
7	AM-CT-90BE-100x100x1.0-X	Co máng cáp 90 độ, rộng 100mm, cao 100mm, dày 1.0mm	100	100	1.0
8	AM-CT-90BE-100x100x1.2-X	Co máng cáp 90 độ, rộng 100mm, cao 100mm, dày 1.2mm	100	100	1.2
9	AM-CT-90BE-100x100x1.5-X	Co máng cáp 90 độ, rộng 100mm, cao 100mm, dày 1.5mm	100	100	1.5
10	AM-CT-90BE-200x100x1.2-X	Co máng cáp 90 độ, rộng 200mm, cao 100mm, dày 1.2mm	200	100	1.2
11	AM-CT-90BE-200x100x1.5-X	Co máng cáp 90 độ, rộng 200mm, cao 100mm, dày 1.5mm	200	100	1.5
12	AM-CT-90BE-200x100x2.0-X	Co máng cáp 90 độ, rộng 200mm, cao 100mm, dày 2.0mm	200	100	2.0
13	AM-CT-90BE-300x100x1.2-X	Co máng cáp 90 độ, rộng 300mm, cao 100mm, dày 1.2mm	300	100	1.2
14	AM-CT-90BE-300x100x1.5-X	Co máng cáp 90 độ, rộng 300mm, cao 100mm, dày 1.5mm	300	100	1.5
15	AM-CT-90BE-300x100x2.0-X	Co máng cáp 90 độ, rộng 300mm, cao 100mm, dày 2.0mm	300	100	2.0
16	AM-CT-90BE-400x100x1.5-X	Co máng cáp 90 độ, rộng 400mm, cao 100mm, dày 1.5mm	400	100	1.5
17	AM-CT-90BE-400x100x2.0-X	Co máng cáp 90 độ, rộng 400mm, cao 100mm, dày 2.0mm	400	100	2.0
18	AM-CT-90BE-500x100x1.5-X	Co máng cáp 90 độ, rộng 500mm, cao 100mm, dày 1.5mm	500	100	1.5
19	AM-CT-90BE-500x100x2.0-X	Co máng cáp 90 độ, rộng 500mm, cao 100mm, dày 2.0mm	500	100	2.0
20	AM-CT-90BE-600x100x1.5-X	Co máng cáp 90 độ, rộng 600mm, cao 100mm, dày 1.5mm	600	100	1.5
21	AM-CT-90BE-600x100x2.0-X	Co máng cáp 90 độ, rộng 600mm, cao 100mm, dày 2.0mm	600	100	2.0
22	AM-CT-90BE-700x100x1.5-X	Co máng cáp 90 độ, rộng 700mm, cao 100mm, dày 1.5mm	700	100	1.5
23	AM-CT-90BE-700x100x2.0-X	Co máng cáp 90 độ, rộng 700mm, cao 100mm, dày 2.0mm	700	100	2.0
24	AM-CT-90BE-800x100x1.5-X	Co máng cáp 90 độ, rộng 800mm, cao 100mm, dày 1.5mm	800	100	1.5
25	AM-CT-90BE-800x100x2.0-X	Co máng cáp 90 độ, rộng 800mm, cao 100mm, dày 2.0mm	800	100	2.0
26	AM-CT-90BE-900x100x1.5-X	Co máng cáp 90 độ, rộng 900mm, cao 100mm, dày 1.5mm	900	100	1.5
27	AM-CT-90BE-900x100x2.0-X	Co máng cáp 90 độ, rộng 900mm, cao 100mm, dày 2.0mm	900	100	2.0
28	AM-CT-90BE-1000x100x2.0-X	Co máng cáp 90 độ, rộng 1000mm, cao 100mm, dày 2.0mm	1000	100	2.0

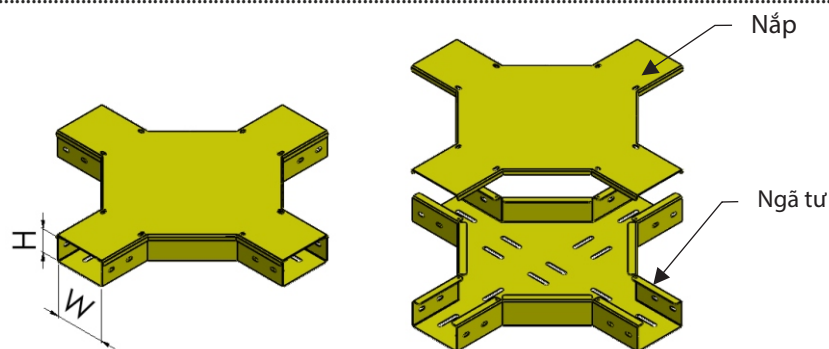
Co T



Thông tin sản phẩm

STT	Mã Sản Phẩm <i>X=1: Sơn tĩnh điện X=2: Thép mạ kẽm X=3: Mạ kẽm nhúng nóng</i>	Mô tả sản phẩm	Thông số kích thước (mm)		
			W	H	t
1	AM-CT-TEE-50x50x1.0-X	Co T máng cáp, rộng 50mm, cao 50mm, dày 1.0mm	50	50	1.0
2	AM-CT-TEE-50x50x1.2-X	Co T máng cáp, rộng 50mm, cao 50mm, dày 1.2mm	50	50	1.2
3	AM-CT-TEE-50x50x1.5-X	Co T máng cáp, rộng 50mm, cao 50mm, dày 1.5mm	50	50	1.5
4	AM-CT-TEE-100x50x1.0-X	Co T máng cáp, rộng 100mm, cao 50mm, dày 1.0mm	100	50	1.0
5	AM-CT-TEE-100x50x1.2-X	Co T máng cáp, rộng 100mm, cao 50mm, dày 1.2mm	100	50	1.2
6	AM-CT-TEE-100x50x1.5-X	Co T máng cáp, rộng 100mm, cao 50mm, dày 1.5mm	100	50	1.5
7	AM-CT-TEE-100x100x1.0-X	Co T máng cáp, rộng 100mm, cao 100mm, dày 1.0mm	100	100	1.0
8	AM-CT-TEE-100x100x1.2-X	Co T máng cáp, rộng 100mm, cao 100mm, dày 1.2mm	100	100	1.2
9	AM-CT-TEE-100x100x1.5-X	Co T máng cáp, rộng 100mm, cao 100mm, dày 1.5mm	100	100	1.5
10	AM-CT-TEE-200x100x1.2-X	Co T máng cáp, rộng 200mm, cao 100mm, dày 1.2mm	200	100	1.2
11	AM-CT-TEE-200x100x1.5-X	Co T máng cáp, rộng 200mm, cao 100mm, dày 1.5mm	200	100	1.5
12	AM-CT-TEE-200x100x2.0-X	Co T máng cáp, rộng 200mm, cao 100mm, dày 2.0mm	200	100	2.0
13	AM-CT-TEE-300x100x1.2-X	Co T máng cáp, rộng 300mm, cao 100mm, dày 1.2mm	300	100	1.2
14	AM-CT-TEE-300x100x1.5-X	Co T máng cáp, rộng 300mm, cao 100mm, dày 1.5mm	300	100	1.5
15	AM-CT-TEE-300x100x2.0-X	Co T máng cáp, rộng 300mm, cao 100mm, dày 2.0mm	300	100	2.0
16	AM-CT-TEE-400x100x1.5-X	Co T máng cáp, rộng 400mm, cao 100mm, dày 1.5mm	400	100	1.5
17	AM-CT-TEE-400x100x2.0-X	Co T máng cáp, rộng 400mm, cao 100mm, dày 2.0mm	400	100	2.0
18	AM-CT-TEE-500x100x1.5-X	Co T máng cáp, rộng 500mm, cao 100mm, dày 1.5mm	500	100	1.5
19	AM-CT-TEE-500x100x2.0-X	Co T máng cáp, rộng 500mm, cao 100mm, dày 2.0mm	500	100	2.0
20	AM-CT-TEE-600x100x1.5-X	Co T máng cáp, rộng 600mm, cao 100mm, dày 1.5mm	600	100	1.5
21	AM-CT-TEE-600x100x2.0-X	Co T máng cáp, rộng 600mm, cao 100mm, dày 2.0mm	600	100	2.0
22	AM-CT-TEE-700x100x1.5-X	Co T máng cáp, rộng 700mm, cao 100mm, dày 1.5mm	700	100	1.5
23	AM-CT-TEE-700x100x2.0-X	Co T máng cáp, rộng 700mm, cao 100mm, dày 2.0mm	700	100	2.0
24	AM-CT-TEE-800x100x1.5-X	Co T máng cáp, rộng 800mm, cao 100mm, dày 1.5mm	800	100	1.5
25	AM-CT-TEE-800x100x2.0-X	Co T máng cáp, rộng 800mm, cao 100mm, dày 2.0mm	800	100	2.0
26	AM-CT-TEE-900x100x1.5-X	Co T máng cáp, rộng 900mm, cao 100mm, dày 1.5mm	900	100	1.5
27	AM-CT-TEE-900x100x2.0-X	Co T máng cáp, rộng 900mm, cao 100mm, dày 2.0mm	900	100	2.0
28	AM-CT-TEE-1000x100x2.0-X	Co T máng cáp, rộng 1000mm, cao 100mm, dày 2.0mm	1000	100	2.0

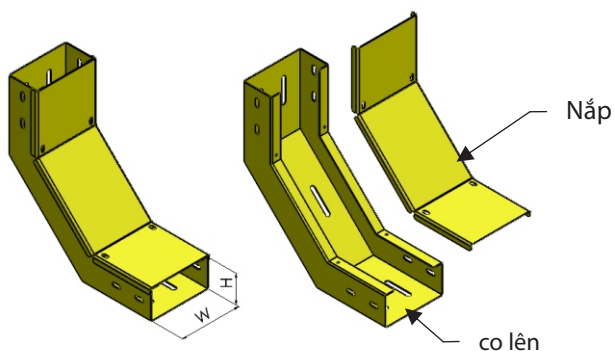
Ngã Tư



Thông tin sản phẩm

STT	Mã Sản Phẩm <i>X=1: Sơn tĩnh điện X=2: Thép mạ kẽm X=3: Mạ kẽm nhúng nóng</i>	Mô tả sản phẩm	Thông số kích thước (mm)		
			W	H	t
1	AM-CT-CR-50x50x1.0-X	Ngã tư máng cáp, rộng 50mm, cao 50mm, dày 1.0mm	50	50	1.0
2	AM-CT-CR-50x50x1.2-X	Ngã tư máng cáp, rộng 50mm, cao 50mm, dày 1.2mm	50	50	1.2
3	AM-CT-CR-50x50x1.5-X	Ngã tư máng cáp, rộng 50mm, cao 50mm, dày 1.5mm	50	50	1.5
4	AM-CT-CR-100x50x1.0-X	Ngã tư máng cáp, rộng 100mm, cao 50mm, dày 1.0mm	100	50	1.0
5	AM-CT-CR-100x50x1.2-X	Ngã tư máng cáp, rộng 100mm, cao 50mm, dày 1.2mm	100	50	1.2
6	AM-CT-CR-100x50x1.5-X	Ngã tư máng cáp, rộng 100mm, cao 50mm, dày 1.5mm	100	50	1.5
7	AM-CT-CR-100x100x1.0-X	Ngã tư máng cáp, rộng 100mm, cao 100mm, dày 1.0mm	100	100	1.0
8	AM-CT-CR-100x100x1.2-X	Ngã tư máng cáp, rộng 100mm, cao 100mm, dày 1.2mm	100	100	1.2
9	AM-CT-CR-100x100x1.5-X	Ngã tư máng cáp, rộng 100mm, cao 100mm, dày 1.5mm	100	100	1.5
10	AM-CT-CR-200x100x1.2-X	Ngã tư máng cáp, rộng 200mm, cao 100mm, dày 1.2mm	200	100	1.2
11	AM-CT-CR-200x100x1.5-X	Ngã tư máng cáp, rộng 200mm, cao 100mm, dày 1.5mm	200	100	1.5
12	AM-CT-CR-200x100x2.0-X	Ngã tư máng cáp, rộng 200mm, cao 100mm, dày 2.0mm	200	100	2.0
13	AM-CT-CR-300x100x1.2-X	Ngã tư máng cáp, rộng 300mm, cao 100mm, dày 1.2mm	300	100	1.2
14	AM-CT-CR-300x100x1.5-X	Ngã tư máng cáp, rộng 300mm, cao 100mm, dày 1.5mm	300	100	1.5
15	AM-CT-CR-300x100x2.0-X	Ngã tư máng cáp, rộng 300mm, cao 100mm, dày 2.0mm	300	100	2.0
16	AM-CT-CR-400x100x1.5-X	Ngã tư máng cáp, rộng 400mm, cao 100mm, dày 1.5mm	400	100	1.5
17	AM-CT-CR-400x100x2.0-X	Ngã tư máng cáp, rộng 400mm, cao 100mm, dày 2.0mm	400	100	2.0
18	AM-CT-CR-500x100x1.5-X	Ngã tư máng cáp, rộng 500mm, cao 100mm, dày 1.5mm	500	100	1.5
19	AM-CT-CR-500x100x2.0-X	Ngã tư máng cáp, rộng 500mm, cao 100mm, dày 2.0mm	500	100	2.0
20	AM-CT-CR-600x100x1.5-X	Ngã tư máng cáp, rộng 600mm, cao 100mm, dày 1.5mm	600	100	1.5
21	AM-CT-CR-600x100x2.0-X	Ngã tư máng cáp, rộng 600mm, cao 100mm, dày 2.0mm	600	100	2.0
22	AM-CT-CR-700x100x1.5-X	Ngã tư máng cáp, rộng 700mm, cao 100mm, dày 1.5mm	700	100	1.5
23	AM-CT-CR-700x100x2.0-X	Ngã tư máng cáp, rộng 700mm, cao 100mm, dày 2.0mm	700	100	2.0
24	AM-CT-CR-800x100x1.5-X	Ngã tư máng cáp, rộng 800mm, cao 100mm, dày 1.5mm	800	100	1.5
25	AM-CT-CR-800x100x2.0-X	Ngã tư máng cáp, rộng 800mm, cao 100mm, dày 2.0mm	800	100	2.0
26	AM-CT-CR-900x100x1.5-X	Ngã tư máng cáp, rộng 900mm, cao 100mm, dày 1.5mm	900	100	1.5
27	AM-CT-CR-900x100x2.0-X	Ngã tư máng cáp, rộng 900mm, cao 100mm, dày 2.0mm	900	100	2.0
28	AM-CT-CR-1000x100x2.0-X	Ngã tư máng cáp, rộng 1000mm, cao 100mm, dày 2.0mm	1000	100	2.0

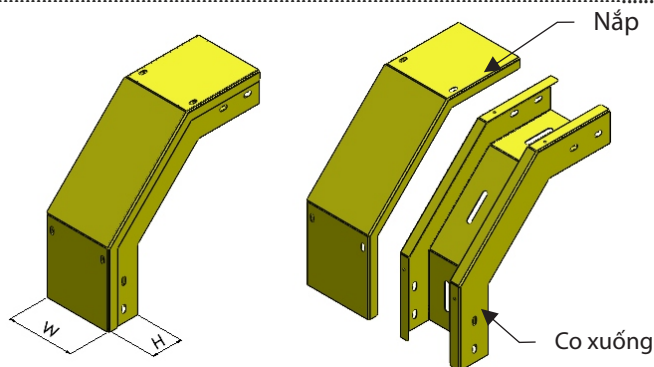
Co chuyển hướng lên



Thông tin sản phẩm

STT	Mã Sản Phẩm <i>X=1: Sơn tĩnh điện X=2: Thép mạ kẽm X=3: Mạ kẽm nhúng nóng</i>	Mô tả sản phẩm	Thông số kích thước (mm)		
			W	H	t
1	AM-CT-IR-50x50x1.0-X	Co chuyển hướng lên, rộng 50mm, cao 50mm, dày 1.0mm	50	50	1.0
2	AM-CT-IR-50x50x1.2-X	Co chuyển hướng lên, rộng 50mm, cao 50mm, dày 1.2mm	50	50	1.2
3	AM-CT-IR-50x50x1.5-X	Co chuyển hướng lên, rộng 50mm, cao 50mm, dày 1.5mm	50	50	1.5
4	AM-CT-IR-100x50x1.0-X	Co chuyển hướng lên, rộng 100mm, cao 50mm, dày 1.0mm	100	50	1.0
5	AM-CT-IR-100x50x1.2-X	Co chuyển hướng lên, rộng 100mm, cao 50mm, dày 1.2mm	100	50	1.2
6	AM-CT-IR-100x50x1.5-X	Co chuyển hướng lên, rộng 100mm, cao 50mm, dày 1.5mm	100	50	1.5
7	AM-CT-IR-100x100x1.0-X	Co chuyển hướng lên, rộng 100mm, cao 100mm, dày 1.0mm	100	100	1.0
8	AM-CT-IR-100x100x1.2-X	Co chuyển hướng lên, rộng 100mm, cao 100mm, dày 1.2mm	100	100	1.2
9	AM-CT-IR-100x100x1.5-X	Co chuyển hướng lên, rộng 100mm, cao 100mm, dày 1.5mm	100	100	1.5
10	AM-CT-IR-200x100x1.2-X	Co chuyển hướng lên, rộng 200mm, cao 100mm, dày 1.2mm	200	100	1.2
11	AM-CT-IR-200x100x1.5-X	Co chuyển hướng lên, rộng 200mm, cao 100mm, dày 1.5mm	200	100	1.5
12	AM-CT-IR-200x100x2.0-X	Co chuyển hướng lên, rộng 200mm, cao 100mm, dày 2.0mm	200	100	2.0
13	AM-CT-IR-300x100x1.2-X	Co chuyển hướng lên, rộng 300mm, cao 100mm, dày 1.2mm	300	100	1.2
14	AM-CT-IR-300x100x1.5-X	Co chuyển hướng lên, rộng 300mm, cao 100mm, dày 1.5mm	300	100	1.5
15	AM-CT-IR-300x100x2.0-X	Co chuyển hướng lên, rộng 300mm, cao 100mm, dày 2.0mm	300	100	2.0
16	AM-CT-IR-400x100x1.5-X	Co chuyển hướng lên, rộng 400mm, cao 100mm, dày 1.5mm	400	100	1.5
17	AM-CT-IR-400x100x2.0-X	Co chuyển hướng lên, rộng 400mm, cao 100mm, dày 2.0mm	400	100	2.0
18	AM-CT-IR-500x100x1.5-X	Co chuyển hướng lên, rộng 500mm, cao 100mm, dày 1.5mm	500	100	1.5
19	AM-CT-IR-500x100x2.0-X	Co chuyển hướng lên, rộng 500mm, cao 100mm, dày 2.0mm	500	100	2.0
20	AM-CT-IR-600x100x1.5-X	Co chuyển hướng lên, rộng 600mm, cao 100mm, dày 1.5mm	600	100	1.5
21	AM-CT-IR-600x100x2.0-X	Co chuyển hướng lên, rộng 600mm, cao 100mm, dày 2.0mm	600	100	2.0
22	AM-CT-IR-700x100x1.5-X	Co chuyển hướng lên, rộng 700mm, cao 100mm, dày 1.5mm	700	100	1.5
23	AM-CT-IR-700x100x2.0-X	Co chuyển hướng lên, rộng 700mm, cao 100mm, dày 2.0mm	700	100	2.0
24	AM-CT-IR-800x100x1.5-X	Co chuyển hướng lên, rộng 800mm, cao 100mm, dày 1.5mm	800	100	1.5
25	AM-CT-IR-800x100x2.0-X	Co chuyển hướng lên, rộng 800mm, cao 100mm, dày 2.0mm	800	100	2.0
26	AM-CT-IR-900x100x1.5-X	Co chuyển hướng lên, rộng 900mm, cao 100mm, dày 1.5mm	900	100	1.5
27	AM-CT-IR-900x100x2.0-X	Co chuyển hướng lên, rộng 900mm, cao 100mm, dày 2.0mm	900	100	2.0
28	AM-CT-IR-1000x100x2.0-X	Co chuyển hướng lên, rộng 1000mm, cao 100mm, dày 2.0mm	1000	100	2.0

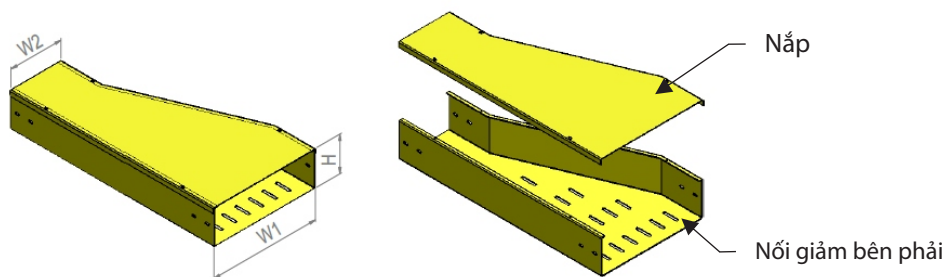
Co chuyển hướng xuống



Thông tin sản phẩm

STT	Mã Sản Phẩm <i>X=1: Sơn tĩnh điện X=2: Thép mạ kẽm X=3: Mạ kẽm nhúng nóng</i>	Mô tả sản phẩm	Thông số kích thước (mm)		
			W	H	t
1	AM-CT-ER-50x50x1.0-X	Co chuyển hướng xuống, rộng 50mm, cao 50mm, dày 1.0mm	50	50	1.0
2	AM-CT-ER-50x50x1.2-X	Co chuyển hướng xuống, rộng 50mm, cao 50mm, dày 1.2mm	50	50	1.2
3	AM-CT-ER-50x50x1.5-X	Co chuyển hướng xuống, rộng 50mm, cao 50mm, dày 1.5mm	50	50	1.5
4	AM-CT-ER-100x50x1.0-X	Co chuyển hướng xuống, rộng 100mm, cao 50mm, dày 1.0mm	100	50	1.0
5	AM-CT-ER-100x50x1.2-X	Co chuyển hướng xuống, rộng 100mm, cao 50mm, dày 1.2mm	100	50	1.2
6	AM-CT-ER-100x50x1.5-X	Co chuyển hướng xuống, rộng 100mm, cao 50mm, dày 1.5mm	100	50	1.5
7	AM-CT-ER-100x100x1.0-X	Co chuyển hướng xuống, rộng 100mm, cao 100mm, dày 1.0mm	100	100	1.0
8	AM-CT-ER-100x100x1.2-X	Co chuyển hướng xuống, rộng 100mm, cao 100mm, dày 1.2mm	100	100	1.2
9	AM-CT-ER-100x100x1.5-X	Co chuyển hướng xuống, rộng 100mm, cao 100mm, dày 1.5mm	100	100	1.5
10	AM-CT-ER-200x100x1.2-X	Co chuyển hướng xuống, rộng 200mm, cao 100mm, dày 1.2mm	200	100	1.2
11	AM-CT-ER-200x100x1.5-X	Co chuyển hướng xuống, rộng 200mm, cao 100mm, dày 1.5mm	200	100	1.5
12	AM-CT-ER-200x100x2.0-X	Co chuyển hướng xuống, rộng 200mm, cao 100mm, dày 2.0mm	200	100	2.0
13	AM-CT-ER-300x100x1.2-X	Co chuyển hướng xuống, rộng 300mm, cao 100mm, dày 1.2mm	300	100	1.2
14	AM-CT-ER-300x100x1.5-X	Co chuyển hướng xuống, rộng 300mm, cao 100mm, dày 1.5mm	300	100	1.5
15	AM-CT-ER-300x100x2.0-X	Co chuyển hướng xuống, rộng 300mm, cao 100mm, dày 2.0mm	300	100	2.0
16	AM-CT-ER-400x100x1.5-X	Co chuyển hướng xuống, rộng 400mm, cao 100mm, dày 1.5mm	400	100	1.5
17	AM-CT-ER-400x100x2.0-X	Co chuyển hướng xuống, rộng 400mm, cao 100mm, dày 2.0mm	400	100	2.0
18	AM-CT-ER-500x100x1.5-X	Co chuyển hướng xuống, rộng 500mm, cao 100mm, dày 1.5mm	500	100	1.5
19	AM-CT-ER-500x100x2.0-X	Co chuyển hướng xuống, rộng 500mm, cao 100mm, dày 2.0mm	500	100	2.0
20	AM-CT-ER-600x100x1.5-X	Co chuyển hướng xuống, rộng 600mm, cao 100mm, dày 1.5mm	600	100	1.5
21	AM-CT-ER-600x100x2.0-X	Co chuyển hướng xuống, rộng 600mm, cao 100mm, dày 2.0mm	600	100	2.0
22	AM-CT-ER-700x100x1.5-X	Co chuyển hướng xuống, rộng 700mm, cao 100mm, dày 1.5mm	700	100	1.5
23	AM-CT-ER-700x100x2.0-X	Co chuyển hướng xuống, rộng 700mm, cao 100mm, dày 2.0mm	700	100	2.0
24	AM-CT-ER-800x100x1.5-X	Co chuyển hướng xuống, rộng 800mm, cao 100mm, dày 1.5mm	800	100	1.5
25	AM-CT-ER-800x100x2.0-X	Co chuyển hướng xuống, rộng 800mm, cao 100mm, dày 2.0mm	800	100	2.0
26	AM-CT-ER-900x100x1.5-X	Co chuyển hướng xuống, rộng 900mm, cao 100mm, dày 1.5mm	900	100	1.5
27	AM-CT-ER-900x100x2.0-X	Co chuyển hướng xuống, rộng 900mm, cao 100mm, dày 2.0mm	900	100	2.0
28	AM-CT-ER-1000x100x2.0-X	Co chuyển hướng xuống, rộng 1000mm, cao 100mm, dày 2.0mm	1000	100	2.0

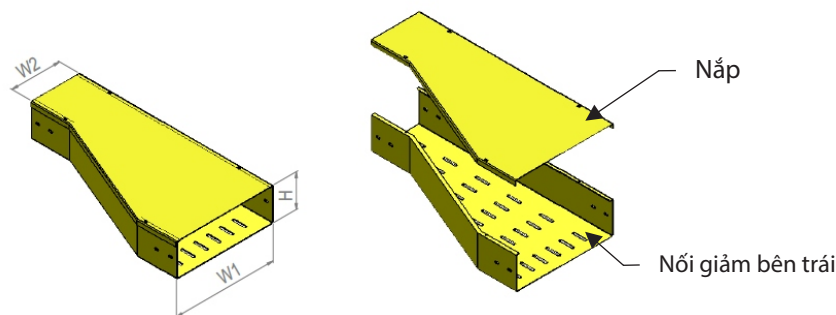
Nối giảm bên phải.....



Thông tin sản phẩm.....

STT	Mã Sản Phẩm <i>X=1: Sơn tĩnh điện X=2: Thép mạ kẽm X=3: Mạ kẽm nhúng nóng</i>	Mô tả sản phẩm	Thông số kích thước (mm)			
			W1	W2	H	t
1	AM-CT-ORR-100/50x50x1.0-X	Nối giảm bên phải, rộng (100/50)mm, cao 50mm, dày 1.0mm	100	50	50	1.0
2	AM-CT-ORR-100/50x50x1.2-X	Nối giảm bên phải, rộng (100/50)mm, cao 50mm, dày 1.2mm	100	50	50	1.2
3	AM-CT-ORR-100/50x50x1.5-X	Nối giảm bên phải, rộng (100/50)mm, cao 50mm, dày 1.5mm	100	50	50	1.5
4	AM-CT-ORR-200/100x50x1.0-X	Nối giảm bên phải, rộng (200/100)mm, cao 50mm, dày 1.0mm	200	100	50	1.0
5	AM-CT-ORR-200/100x50x1.2-X	Nối giảm bên phải, rộng (200/100)mm, cao 50mm, dày 1.2mm	200	100	50	1.2
6	AM-CT-ORR-200/100x50x1.5-X	Nối giảm bên phải, rộng (200/100)mm, cao 50mm, dày 1.5mm	200	100	50	1.5
7	AM-CT-ORR-200/100x100x1.0-X	Nối giảm bên phải, rộng (200/100)mm, cao 100mm, dày 1.0mm	200	100	100	1.0
8	AM-CT-ORR-200/100x100x1.2-X	Nối giảm bên phải, rộng (200/100)mm, cao 100mm, dày 1.2mm	200	100	100	1.2
9	AM-CT-ORR-200/100x100x1.5-X	Nối giảm bên phải, rộng (200/100)mm, cao 100mm, dày 1.5mm	200	100	100	1.5
10	AM-CT-ORR-300/100x100x1.2-X	Nối giảm bên phải, rộng (300/100)mm, cao 100mm, dày 1.2mm	300	100	100	1.2
11	AM-CT-ORR-300/100x100x1.5-X	Nối giảm bên phải, rộng (300/100)mm, cao 100mm, dày 1.5mm	300	100	100	1.5
12	AM-CT-ORR-300/100x100x2.0-X	Nối giảm bên phải, rộng (300/100)mm, cao 100mm, dày 2.0mm	300	100	100	2.0
13	AM-CT-ORR-400/200x100x1.2-X	Nối giảm bên phải, rộng (400/200)mm, cao 100mm, dày 1.2mm	400	200	100	1.2
14	AM-CT-ORR-400/200x100x1.5-X	Nối giảm bên phải, rộng (400/200)mm, cao 100mm, dày 1.5mm	400	200	100	1.5
15	AM-CT-ORR-400/200x100x2.0-X	Nối giảm bên phải, rộng (400/200)mm, cao 100mm, dày 2.0mm	400	200	100	2.0
16	AM-CT-ORR-500/200x100x1.5-X	Nối giảm bên phải, rộng (500/200)mm, cao 100mm, dày 1.5mm	500	200	100	1.5
17	AM-CT-ORR-500/200x100x2.0-X	Nối giảm bên phải, rộng (500/200)mm, cao 100mm, dày 2.0mm	500	200	100	2.0
18	AM-CT-ORR-500/300x100x1.5-X	Nối giảm bên phải, rộng (500/300)mm, cao 100mm, dày 1.5mm	500	300	100	1.5
19	AM-CT-ORR-500/300x100x2.0-X	Nối giảm bên phải, rộng (500/300)mm, cao 100mm, dày 2.0mm	500	300	100	2.0
20	AM-CT-ORR-600/300x100x1.5-X	Nối giảm bên phải, rộng (600/300)mm, cao 100mm, dày 1.5mm	600	300	100	1.5
21	AM-CT-ORR-600/300x100x2.0-X	Nối giảm bên phải, rộng (600/300)mm, cao 100mm, dày 2.0mm	600	300	100	2.0
22	AM-CT-ORR-700/400x100x1.5-X	Nối giảm bên phải, rộng (700/400)mm, cao 100mm, dày 1.5mm	700	400	100	1.5
23	AM-CT-ORR-700/400x100x2.0-X	Nối giảm bên phải, rộng (700/400)mm, cao 100mm, dày 2.0mm	700	400	100	2.0
24	AM-CT-ORR-800/400x100x1.5-X	Nối giảm bên phải, rộng (800/400)mm, cao 100mm, dày 1.5mm	800	400	100	1.5
25	AM-CT-ORR-800/400x100x2.0-X	Nối giảm bên phải, rộng (800/400)mm, cao 100mm, dày 2.0mm	800	400	100	2.0
26	AM-CT-ORR-900/500x100x2.0-X	Nối giảm bên phải, rộng (900/500)mm, cao 100mm, dày 2.0mm	900	500	100	2.0
27	AM-CT-ORR-1000/500x100x2.0-X	Nối giảm bên phải, rộng (1000/500)mm, cao 100mm, dày 2.0mm	1000	500	100	2.0

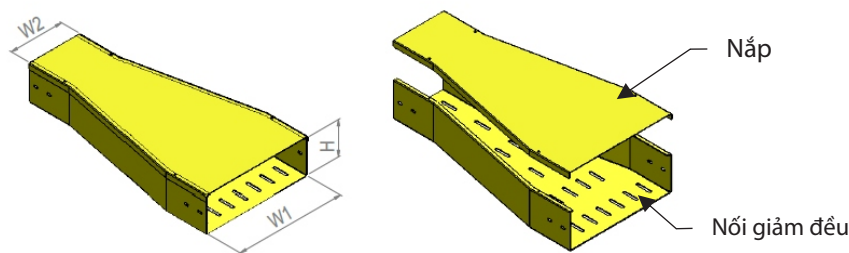
Nối giảm bên trái.....



Thông tin sản phẩm.....

STT	Mã Sản Phẩm <i>X=1: Sơn tĩnh điện X=2: Thép mạ kẽm X=3: Mạ kẽm nhúng nóng</i>	Mô tả sản phẩm	Thông số kích thước (mm)			
			W1	W2	H	t
1	AM-CT-OLR-100/50x50x1.0-X	Nối giảm bên trái, rộng (100/50)mm, cao 50mm, dày 1.0mm	100	50	50	1.0
2	AM-CT-OLR-100/50x50x1.2-X	Nối giảm bên trái, rộng (100/50)mm, cao 50mm, dày 1.2mm	100	50	50	1.2
3	AM-CT-OLR-100/50x50x1.5-X	Nối giảm bên trái, rộng (100/50)mm, cao 50mm, dày 1.5mm	100	50	50	1.5
4	AM-CT-OLR-200/100x50x1.0-X	Nối giảm bên trái, rộng (200/100)mm, cao 50mm, dày 1.0mm	200	100	50	1.0
5	AM-CT-OLR-200/100x50x1.2-X	Nối giảm bên trái, rộng (200/100)mm, cao 50mm, dày 1.2mm	200	100	50	1.2
6	AM-CT-OLR-200/100x50x1.5-X	Nối giảm bên trái, rộng (200/100)mm, cao 50mm, dày 1.5mm	200	100	50	1.5
7	AM-CT-OLR-200/100x100x1.0-X	Nối giảm bên trái, rộng (200/100)mm, cao 100mm, dày 1.0mm	200	100	100	1.0
8	AM-CT-OLR-200/100x100x1.2-X	Nối giảm bên trái, rộng (200/100)mm, cao 100mm, dày 1.2mm	200	100	100	1.2
9	AM-CT-OLR-200/100x100x1.5-X	Nối giảm bên trái, rộng (200/100)mm, cao 100mm, dày 1.5mm	200	100	100	1.5
10	AM-CT-OLR-300/100x100x1.2-X	Nối giảm bên trái, rộng (300/100)mm, cao 100mm, dày 1.2mm	300	100	100	1.2
11	AM-CT-OLR-300/100x100x1.5-X	Nối giảm bên trái, rộng (300/100)mm, cao 100mm, dày 1.5mm	300	100	100	1.5
12	AM-CT-OLR-300/100x100x2.0-X	Nối giảm bên trái, rộng (300/100)mm, cao 100mm, dày 2.0mm	300	100	100	2.0
13	AM-CT-OLR-400/200x100x1.2-X	Nối giảm bên trái, rộng (400/200)mm, cao 100mm, dày 1.2mm	400	200	100	1.2
14	AM-CT-OLR-400/200x100x1.5-X	Nối giảm bên trái, rộng (400/200)mm, cao 100mm, dày 1.5mm	400	200	100	1.5
15	AM-CT-OLR-400/200x100x2.0-X	Nối giảm bên trái, rộng (400/200)mm, cao 100mm, dày 2.0mm	400	200	100	2.0
16	AM-CT-OLR-500/200x100x1.5-X	Nối giảm bên trái, rộng (500/200)mm, cao 100mm, dày 1.5mm	500	200	100	1.5
17	AM-CT-OLR-500/200x100x2.0-X	Nối giảm bên trái, rộng (500/200)mm, cao 100mm, dày 2.0mm	500	200	100	2.0
18	AM-CT-OLR-500/300x100x1.5-X	Nối giảm bên trái, rộng (500/300)mm, cao 100mm, dày 1.5mm	500	300	100	1.5
19	AM-CT-OLR-500/300x100x2.0-X	Nối giảm bên trái, rộng (500/300)mm, cao 100mm, dày 2.0mm	500	300	100	2.0
20	AM-CT-OLR-600/300x100x1.5-X	Nối giảm bên trái, rộng (600/300)mm, cao 100mm, dày 1.5mm	600	300	100	1.5
21	AM-CT-OLR-600/300x100x2.0-X	Nối giảm bên trái, rộng (600/300)mm, cao 100mm, dày 2.0mm	600	300	100	2.0
22	AM-CT-OLR-700/400x100x1.5-X	Nối giảm bên trái, rộng (700/400)mm, cao 100mm, dày 1.5mm	700	400	100	1.5
23	AM-CT-OLR-700/400x100x2.0-X	Nối giảm bên trái, rộng (700/400)mm, cao 100mm, dày 2.0mm	700	400	100	2.0
24	AM-CT-OLR-800/400x100x1.5-X	Nối giảm bên trái, rộng (800/400)mm, cao 100mm, dày 1.5mm	800	400	100	1.5
25	AM-CT-OLR-800/400x100x2.0-X	Nối giảm bên trái, rộng (800/400)mm, cao 100mm, dày 2.0mm	800	400	100	2.0
26	AM-CT-OLR-900/500x100x2.0-X	Nối giảm bên trái, rộng (900/500)mm, cao 100mm, dày 2.0mm	900	500	100	2.0
27	AM-CT-OLR-1000/500x100x2.0-X	Nối giảm bên trái, rộng (1000/500)mm, cao 100mm, dày 2.0mm	1000	500	100	2.0

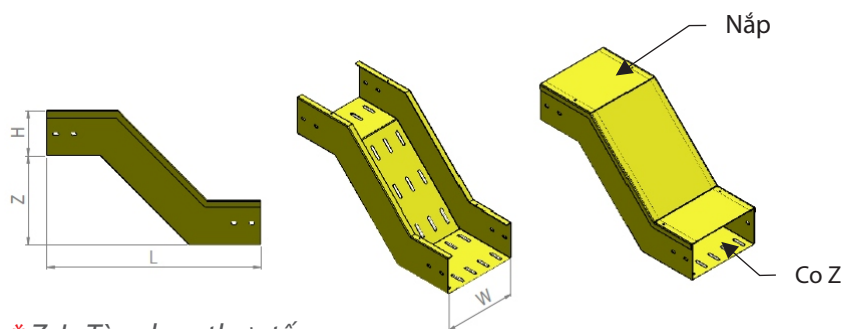
Nối giảm đều.....



Thông tin sản phẩm.....

STT	Mã Sản Phẩm <i>X=1: Sơn tĩnh điện X=2: Thép mạ kẽm X=3: Mạ kẽm nhúng nóng</i>	Mô tả sản phẩm	Thông số kích thước (mm)			
			W1	W2	H	t
1	AM-CT-OR-100/50x50x1.0-X	Nối giảm đều, rộng (100/50)mm, cao 50mm, dày 1.0mm	100	50	50	1.0
2	AM-CT-OR-100/50x50x1.2-X	Nối giảm đều, rộng (100/50)mm, cao 50mm, dày 1.2mm	100	50	50	1.2
3	AM-CT-OR-100/50x50x1.5-X	Nối giảm đều, rộng (100/50)mm, cao 50mm, dày 1.5mm	100	50	50	1.5
4	AM-CT-OR-200/100x50x1.0-X	Nối giảm đều, rộng (200/100)mm, cao 50mm, dày 1.0mm	200	100	50	1.0
5	AM-CT-OR-200/100x50x1.2-X	Nối giảm đều, rộng (200/100)mm, cao 50mm, dày 1.2mm	200	100	50	1.2
6	AM-CT-OR-200/100x50x1.5-X	Nối giảm đều, rộng (200/100)mm, cao 50mm, dày 1.5mm	200	100	50	1.5
7	AM-CT-OR-200/100x100x1.0-X	Nối giảm đều, rộng (200/100)mm, cao 100mm, dày 1.0mm	200	100	100	1.0
8	AM-CT-OR-200/100x100x1.2-X	Nối giảm đều, rộng (200/100)mm, cao 100mm, dày 1.2mm	200	100	100	1.2
9	AM-CT-OR-200/100x100x1.5-X	Nối giảm đều, rộng (200/100)mm, cao 100mm, dày 1.5mm	200	100	100	1.5
10	AM-CT-OR-300/100x100x1.2-X	Nối giảm đều, rộng (300/100)mm, cao 100mm, dày 1.2mm	300	100	100	1.2
11	AM-CT-OR-300/100x100x1.5-X	Nối giảm đều, rộng (300/100)mm, cao 100mm, dày 1.5mm	300	100	100	1.5
12	AM-CT-OR-300/100x100x2.0-X	Nối giảm đều, rộng (300/100)mm, cao 100mm, dày 2.0mm	300	100	100	2.0
13	AM-CT-OR-400/200x100x1.2-X	Nối giảm đều, rộng (400/200)mm, cao 100mm, dày 1.2mm	400	200	100	1.2
14	AM-CT-OR-400/200x100x1.5-X	Nối giảm đều, rộng (400/200)mm, cao 100mm, dày 1.5mm	400	200	100	1.5
15	AM-CT-OR-400/200x100x2.0-X	Nối giảm đều, rộng (400/200)mm, cao 100mm, dày 2.0mm	400	200	100	2.0
16	AM-CT-OR-500/200x100x1.5-X	Nối giảm đều, rộng (500/200)mm, cao 100mm, dày 1.5mm	500	200	100	1.5
17	AM-CT-OR-500/200x100x2.0-X	Nối giảm đều, rộng (500/200)mm, cao 100mm, dày 2.0mm	500	200	100	2.0
18	AM-CT-OR-500/300x100x1.5-X	Nối giảm đều, rộng (500/300)mm, cao 100mm, dày 1.5mm	500	300	100	1.5
19	AM-CT-OR-500/300x100x2.0-X	Nối giảm đều, rộng (500/300)mm, cao 100mm, dày 2.0mm	500	300	100	2.0
20	AM-CT-OR-600/300x100x1.5-X	Nối giảm đều, rộng (600/300)mm, cao 100mm, dày 1.5mm	600	300	100	1.5
21	AM-CT-OR-600/300x100x2.0-X	Nối giảm đều, rộng (600/300)mm, cao 100mm, dày 2.0mm	600	300	100	2.0
22	AM-CT-OR-700/400x100x1.5-X	Nối giảm đều, rộng (700/400)mm, cao 100mm, dày 1.5mm	700	400	100	1.5
23	AM-CT-OR-700/400x100x2.0-X	Nối giảm đều, rộng (700/400)mm, cao 100mm, dày 2.0mm	700	400	100	2.0
24	AM-CT-OR-800/400x100x1.5-X	Nối giảm đều, rộng (800/400)mm, cao 100mm, dày 1.5mm	800	400	100	1.5
25	AM-CT-OR-800/400x100x2.0-X	Nối giảm đều, rộng (800/400)mm, cao 100mm, dày 2.0mm	800	400	100	2.0
26	AM-CT-OR-900/500x100x2.0-X	Nối giảm đều, rộng (900/500)mm, cao 100mm, dày 2.0mm	900	500	100	2.0
27	AM-CT-OR-1000/500x100x2.0-X	Nối giảm đều, rộng (1000/500)mm, cao 100mm, dày 2.0mm	1000	500	100	2.0

Co Z máng cáp.....

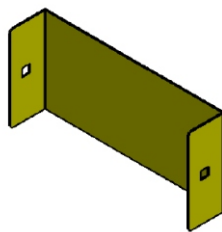


* Z, L: Tùy chọn thực tế

Thông tin sản phẩm.....

STT	Mã Sản Phẩm <i>X=1: Sơn tĩnh điện X=2: Thép mạ kẽm X=3: Mạ kẽm nhúng nóng</i>	Mô tả sản phẩm	Thông số kích thước (mm)		
			W	H	t
1	AM-CT-Z-50x50x1.0-X	Co Z máng cáp, rộng 50mm, cao 50mm, dày 1.0mm	50	50	1.0
2	AM-CT-Z-50x50x1.2-X	Co Z máng cáp, rộng 50mm, cao 50mm, dày 1.2mm	50	50	1.2
3	AM-CT-Z-50x50x1.5-X	Co Z máng cáp, rộng 50mm, cao 50mm, dày 1.5mm	50	50	1.5
4	AM-CT-Z-100x50x1.0-X	Co Z máng cáp, rộng 100mm, cao 50mm, dày 1.0mm	100	50	1.0
5	AM-CT-Z-100x50x1.2-X	Co Z máng cáp, rộng 100mm, cao 50mm, dày 1.2mm	100	50	1.2
6	AM-CT-Z-100x50x1.5-X	Co Z máng cáp, rộng 100mm, cao 50mm, dày 1.5mm	100	50	1.5
7	AM-CT-Z-100x100x1.0-X	Co Z máng cáp, rộng 100mm, cao 100mm, dày 1.0mm	100	100	1.0
8	AM-CT-Z-100x100x1.2-X	Co Z máng cáp, rộng 100mm, cao 100mm, dày 1.2mm	100	100	1.2
9	AM-CT-Z-100x100x1.5-X	Co Z máng cáp, rộng 100mm, cao 100mm, dày 1.5mm	100	100	1.5
10	AM-CT-Z-200x100x1.2-X	Co Z máng cáp, rộng 200mm, cao 100mm, dày 1.2mm	200	100	1.2
11	AM-CT-Z-200x100x1.5-X	Co Z máng cáp, rộng 200mm, cao 100mm, dày 1.5mm	200	100	1.5
12	AM-CT-Z-200x100x2.0-X	Co Z máng cáp, rộng 200mm, cao 100mm, dày 2.0mm	200	100	2.0
13	AM-CT-Z-300x100x1.2-X	Co Z máng cáp, rộng 300mm, cao 100mm, dày 1.2mm	300	100	1.2
14	AM-CT-Z-300x100x1.5-X	Co Z máng cáp, rộng 300mm, cao 100mm, dày 1.5mm	300	100	1.5
15	AM-CT-Z-300x100x2.0-X	Co Z máng cáp, rộng 300mm, cao 100mm, dày 2.0mm	300	100	2.0
16	AM-CT-Z-400x100x1.5-X	Co Z máng cáp, rộng 400mm, cao 100mm, dày 1.5mm	400	100	1.5
17	AM-CT-Z-400x100x2.0-X	Co Z máng cáp, rộng 400mm, cao 100mm, dày 2.0mm	400	100	2.0
18	AM-CT-Z-500x100x1.5-X	Co Z máng cáp, rộng 500mm, cao 100mm, dày 1.5mm	500	100	1.5
19	AM-CT-Z-500x100x2.0-X	Co Z máng cáp, rộng 500mm, cao 100mm, dày 2.0mm	500	100	2.0
20	AM-CT-Z-600x100x1.5-X	Co Z máng cáp, rộng 600mm, cao 100mm, dày 1.5mm	600	100	1.5
21	AM-CT-Z-600x100x2.0-X	Co Z máng cáp, rộng 600mm, cao 100mm, dày 2.0mm	600	100	2.0
22	AM-CT-Z-700x100x1.5-X	Co Z máng cáp, rộng 700mm, cao 100mm, dày 1.5mm	700	100	1.5
23	AM-CT-Z-700x100x2.0-X	Co Z máng cáp, rộng 700mm, cao 100mm, dày 2.0mm	700	100	2.0
24	AM-CT-Z-800x100x1.5-X	Co Z máng cáp, rộng 800mm, cao 100mm, dày 1.5mm	800	100	1.5
25	AM-CT-Z-800x100x2.0-X	Co Z máng cáp, rộng 800mm, cao 100mm, dày 2.0mm	800	100	2.0
26	AM-CT-Z-900x100x2.0-X	Co Z máng cáp, rộng 900mm, cao 100mm, dày 2.0mm	900	100	2.0
27	AM-CT-Z-1000x100x2.0-X	Co Z máng cáp, rộng 1000mm, cao 100mm, dày 2.0mm	1000	100	2.0

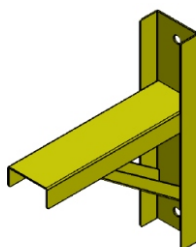
Chấn cuối máng cáp.....



Thông tin sản phẩm.....

STT	Mã Sản Phẩm <i>X=1: Sơn tĩnh điện X=2: Thép mạ kẽm X=3: Mạ kẽm nhúng nóng</i>	Mô tả sản phẩm	Thông số kích thước (mm)		
			W	H	t
1	AM-CT-EC-50x50x1.0-X	Chấn cuối máng cáp, rộng 50mm, cao 50mm, dày 1.0mm	50	50	1.0
2	AM-CT-EC-100x50x1.0-X	Chấn cuối máng cáp, rộng 100mm, cao 50mm, dày 1.0mm	100	50	1.0
3	AM-CT-EC-100x100x1.0-X	Chấn cuối máng cáp, rộng 100mm, cao 100mm, dày 1.0mm	100	100	1.0
4	AM-CT-EC-200x100x1.0-X	Chấn cuối máng cáp, rộng 200mm, cao 100mm, dày 1.0mm	200	100	1.0
5	AM-CT-EC-300x100x1.0-X	Chấn cuối máng cáp, rộng 300mm, cao 100mm, dày 1.0mm	300	100	1.0
6	AM-CT-EC-400x100x1.5-X	Chấn cuối máng cáp, rộng 400mm, cao 100mm, dày 1.5mm	400	100	1.5
7	AM-CT-EC-500x100x1.5-X	Chấn cuối máng cáp, rộng 500mm, cao 100mm, dày 1.5mm	500	100	1.5
8	AM-CT-EC-600x100x1.5-X	Chấn cuối máng cáp, rộng 600mm, cao 100mm, dày 1.5mm	600	100	1.5
9	AM-CT-EC-700x100x2.0-X	Chấn cuối máng cáp, rộng 700mm, cao 100mm, dày 2.0mm	700	100	2.0
10	AM-CT-EC-800x100x2.0-X	Chấn cuối máng cáp, rộng 800mm, cao 100mm, dày 2.0mm	800	100	2.0
11	AM-CT-EC-900x100x2.0-X	Chấn cuối máng cáp, rộng 900mm, cao 100mm, dày 2.0mm	900	100	2.0
12	AM-CT-EC-1000x100x2.0-X	Chấn cuối máng cáp, rộng 1000mm, cao 100mm, dày 2.0mm	1000	100	2.0

Thanh đỡ bắt tường.....



Thông tin sản phẩm.....

STT	Mã Sản Phẩm <i>X=1: Sơn tĩnh điện X=2: Thép mạ kẽm X=3: Mạ kẽm nhúng nóng</i>	Mô tả sản phẩm	Thông số kích thước (mm)	
			W	t
1	AM-CT-WB-50x2.0-X	Thanh đỡ bắt tường máng cáp, rộng 50mm, dày 2.0mm	50	2.0
2	AM-CT-WB-100x2.0-X	Thanh đỡ bắt tường máng cáp, rộng 100mm, dày 2.0mm	100	2.0
3	AM-CT-WB-200x2.0-X	Thanh đỡ bắt tường máng cáp, rộng 200mm, dày 2.0mm	200	2.0
4	AM-CT-WB-300x2.0-X	Thanh đỡ bắt tường máng cáp, rộng 300mm, dày 2.0mm	300	2.0
5	AM-CT-WB-400x2.0-X	Thanh đỡ bắt tường máng cáp, rộng 400mm, dày 2.0mm	400	2.0
6	AM-CT-WB-500x2.0-X	Thanh đỡ bắt tường máng cáp, rộng 500mm, dày 2.0mm	500	2.0
7	AM-CT-WB-600x2.0-X	Thanh đỡ bắt tường máng cáp, rộng 600mm, dày 2.0mm	600	2.0

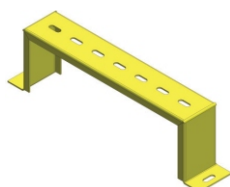
Thanh đỡ bắt trần.....



Thông tin sản phẩm.....

STT	Mã Sản Phẩm <i>X=1: Sơn tĩnh điện X=2: Thép mạ kẽm X=3: Mạ kẽm nhúng nóng</i>	Mô tả sản phẩm	Thông số kích thước (mm)	
			W	t
1	AM-CT-CB-50x2.0-X	Thanh đỡ bắt trần máng cáp, rộng 50mm, dày 2.0mm	50	2.0
2	AM-CT-CB-100x2.0-X	Thanh đỡ bắt trần máng cáp, rộng 100mm, dày 2.0mm	100	2.0
3	AM-CT-CB-200x2.0-X	Thanh đỡ bắt trần máng cáp, rộng 200mm, dày 2.0mm	200	2.0
4	AM-CT-CB-300x2.0-X	Thanh đỡ bắt trần máng cáp, rộng 300mm, dày 2.0mm	300	2.0
5	AM-CT-CB-400x2.0-X	Thanh đỡ bắt trần máng cáp, rộng 400mm, dày 2.0mm	400	2.0
6	AM-CT-CB-500x2.0-X	Thanh đỡ bắt trần máng cáp, rộng 500mm, dày 2.0mm	500	2.0
7	AM-CT-CB-600x2.0-X	Thanh đỡ bắt trần máng cáp, rộng 600mm, dày 2.0mm	600	2.0
8	AM-CT-CB-700x3.0-X	Thanh đỡ bắt trần máng cáp, rộng 700mm, dày 3.0mm	700	3.0
9	AM-CT-CB-800x3.0-X	Thanh đỡ bắt trần máng cáp, rộng 800mm, dày 3.0mm	800	3.0
10	AM-CT-CB-900x5.0-X	Thanh đỡ bắt trần máng cáp, rộng 900mm, dày 5.0mm	900	5.0
11	AM-CT-CB-1000x5.0-X	Thanh đỡ bắt trần máng cáp, rộng 1000mm, dày 5.0mm	1000	5.0

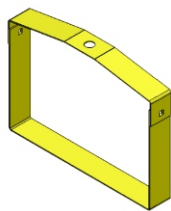
Thanh đỡ bắt sàn.....



Thông tin sản phẩm.....

STT	Mã Sản Phẩm <i>X=1: Sơn tĩnh điện X=2: Thép mạ kẽm X=3: Mạ kẽm nhúng nóng</i>	Mô tả sản phẩm	Thông số kích thước (mm)	
			W	t
1	AM-CT-FB-50x2.0-X	Thanh đỡ bắt sàn máng cáp, rộng 50mm, dày 2.0mm	50	2.0
2	AM-CT-FB-100x2.0-X	Thanh đỡ bắt sàn máng cáp, rộng 100mm, dày 2.0mm	100	2.0
3	AM-CT-FB-200x2.0-X	Thanh đỡ bắt sàn máng cáp, rộng 200mm, dày 2.0mm	200	2.0
4	AM-CT-FB-300x2.0-X	Thanh đỡ bắt sàn máng cáp, rộng 300mm, dày 2.0mm	300	2.0
5	AM-CT-FB-400x2.0-X	Thanh đỡ bắt sàn máng cáp, rộng 400mm, dày 2.0mm	400	2.0
6	AM-CT-FB-500x2.0-X	Thanh đỡ bắt sàn máng cáp, rộng 500mm, dày 2.0mm	500	2.0
7	AM-CT-FB-600x2.0-X	Thanh đỡ bắt sàn máng cáp, rộng 600mm, dày 2.0mm	600	2.0
8	AM-CT-FB-700x3.0-X	Thanh đỡ bắt sàn máng cáp, rộng 700mm, dày 3.0mm	700	3.0
9	AM-CT-FB-800x3.0-X	Thanh đỡ bắt sàn máng cáp, rộng 800mm, dày 3.0mm	800	3.0
10	AM-CT-FB-900x5.0-X	Thanh đỡ bắt sàn máng cáp, rộng 900mm, dày 5.0mm	900	5.0
11	AM-CT-FB-1000x5.0-X	Thanh đỡ bắt sàn máng cáp, rộng 1000mm, dày 5.0mm	1000	5.0

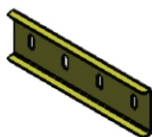
Cùm treo máng cáp.....



Thông tin sản phẩm.....

STT	Mã Sản Phẩm <i>X=1: Sơn tĩnh điện X=2: Thép mạ kẽm X=3: Mạ kẽm nhúng nóng</i>	Mô tả sản phẩm	Thông số kích thước (mm)		
			W	H	t
1	AM-CT-CHS-50x50x1.0-X	Cùm treo máng cáp, rộng 50mm, cao 50mm, dày 1.0mm	50	50	1.0
2	AM-CT-CHS-50x50x1.2-X	Cùm treo máng cáp, rộng 50mm, cao 50mm, dày 1.2mm	50	50	1.2
3	AM-CT-CHS-50x50x1.5-X	Cùm treo máng cáp, rộng 50mm, cao 50mm, dày 1.5mm	50	50	1.5
4	AM-CT-CHS-100x100x1.0-X	Cùm treo máng cáp, rộng 100mm, cao 100mm, dày 1.0mm	100	100	1.0
5	AM-CT-CHS-100x100x1.2-X	Cùm treo máng cáp, rộng 100mm, cao 100mm, dày 1.2mm	100	100	1.2
6	AM-CT-CHS-100x100x1.5-X	Cùm treo máng cáp, rộng 100mm, cao 100mm, dày 1.5mm	100	100	1.5
7	AM-CT-CHS-200x100x1.0-X	Cùm treo máng cáp, rộng 200mm, cao 100mm, dày 1.0mm	200	100	1.0
8	AM-CT-CHS-200x100x1.2-X	Cùm treo máng cáp, rộng 200mm, cao 100mm, dày 1.2mm	200	100	1.2
9	AM-CT-CHS-200x100x1.5-X	Cùm treo máng cáp, rộng 200mm, cao 100mm, dày 1.5mm	200	100	1.5
10	AM-CT-CHS-200x100x2.0-X	Cùm treo máng cáp, rộng 200mm, cao 100mm, dày 2.0mm	200	100	2.0

Bát nối máng



Thông tin sản phẩm.....

STT	Mã Sản Phẩm <i>X=1: Sơn tĩnh điện X=2: Thép mạ kẽm X=3: Mạ kẽm nhúng nóng</i>	Mô tả sản phẩm	Thông số kích thước (mm)	
			H	t
1	AM-CT-DT-50x1.0-X	Bát nối máng cáp, cao 50mm, dày 1.0mm	50	1.0
2	AM-CT-DT-50x1.2-X	Bát nối máng cáp, cao 50mm, dày 1.2mm	50	1.2
3	AM-CT-DT-50x1.5-X	Bát nối máng cáp, cao 50mm, dày 1.5mm	50	1.5
4	AM-CT-DT-50x2.0-X	Bát nối máng cáp, cao 50mm, dày 2.0mm	50	2.0
5	AM-CT-DT-100x1.0-X	Bát nối máng cáp, cao 100mm, dày 1.0mm	100	1.0
6	AM-CT-DT-100x1.2-X	Bát nối máng cáp, cao 100mm, dày 1.2mm	100	1.2
7	AM-CT-DT-100x1.5-X	Bát nối máng cáp, cao 100mm, dày 1.5mm	100	1.5
8	AM-CT-DT-100x2.0-X	Bát nối máng cáp, cao 100mm, dày 2.0mm	100	2.0



GIẤY CHỨNG NHẬN

Tổ Chức Chứng Nhận
thuộc TÜV SÜD Asia Pacific, Tập Đoàn TÜV SÜD
chứng nhận



Công Ty TNHH CÔNG NGHỆ ANH MINH

Số 17/3, Khu Phố Bình Quới A, Phường Bình Chuẩn, Thành Phố Thuận
A, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

đã xây dựng và áp dụng
Hệ thống Quản lý Chất lượng cho phạm vi
Thiết kế và Sản xuất Tủ chứa thiết bị mạng; Tủ chứa máy chủ;
Tủ cho Trung Tâm Dữ Liệu; Thang, Máng cáp;
Thanh phân phối điện cho máy chủ và Trung tâm dữ liệu;
Tủ cho Viễn Thông; Hệ thống nhốt khí, Khung vây

Đánh giá đã được thực hiện, Báo cáo số 723939385.

Bằng chứng phù hợp các yêu cầu theo tiêu chuẩn

ISO 9001:2015

Giấy Chứng Nhận có hiệu lực từ ngày 2021-05-15 đến ngày 2024-05-14

Số đăng ký chứng nhận: TUV100 12 4481

2021-05-15

Tổ Chức Chứng Nhận
thuộc TÜV SÜD Asia Pacific
Tập Đoàn TÜV SÜD



Accreditation by the Joint Accreditation System
of Australia and New Zealand, URL:
www.jas-anz.org/register

TUV®



Công ty AMTEC

17/3 Bình Quới A, Bình Chuẩn, Thuận An, Bình Dương.

(84-274) 3612 177

(84-274) 3612 178

www.amtec.com.vn

